

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 335/2020/HSST

Ngày: 17-11-2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Kim Cúc.

Bà Vương Thị Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định. Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 324/2020/TLST-HS ngày 28-10-2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2020/QĐ-HSST ngày 06-11-2020 đối với bị cáo:

Trần Ngọc C, sinh năm 1974 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 115 đường Q, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số nhà 16/96 đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc C và bà Trần Thị T; có vợ và 01 con; tiền án; tiền sự: Không; bị tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 23 tháng 9 năm 2020; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1993; địa chỉ: Số nhà 317 đường Đ, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 16-8-2020 anh Nguyễn Việt H và anh Trần Văn M đến quán Internet số 5 H, phường N để chơi điện tử. Anh H để 01 điện thoại Iphone 8 Plus có ốp da màu đen đang gấp tại mặt bàn chân đế máy số 35 sau đó ra máy số 29 ngồi chơi. Khoảng 12 giờ cùng ngày Trần Ngọc C đi bộ từ nhà đến quán Internet số 5 H, phường N để chơi điện tử, C lên tầng 2 đăng ký 15.000 đồng cho 03 tiếng chơi sau đó đi vào khu vực máy 34 thì phát hiện tại chân đế máy 35 có chiếc điện thoại di động của anh H như đã nêu trên. Quan sát thấy xung quanh không có ai để ý nên C nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại này. C ngồi vào máy 35 bật khởi động máy rồi quan sát xung quanh lần nữa thì thấy quán đông khách nhưng không ai để ý nên dùng tay phải lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần phía trước bên phải rồi nhanh chóng đi ra cửa tẩu thoát về nhà. Khi về nhà mở ốp điện thoại C thấy ngoài chiếc điện thoại Iphone 8 Plus còn có các giấy tờ mang tên Nguyễn Việt H, điện thoại bị khóa mật khẩu nên C không vào được và cũng không tắt nguồn điện thoại. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày thì anh Hùng mượn điện thoại của anh M gọi vào máy của mình, C thấy có cuộc gọi đến tên “Tran Manh”, C nghe máy thì anh H có nói “ai cầm máy của H vậy”, nghe vậy C liền tắt máy sau đấy tháo sim điện thoại ra. Sau đấy anh H dùng điện thoại của anh M nhắn tin vào số của mình với nội dung xin chuộc điện thoại. Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày do biết không có mật khẩu thì không mở được điện thoại sẽ không dùng được và không bán được nên C sang nhà hàng xóm là bà Lê Thị Đ mượn điện thoại Nokia đen trắng và lắp sim điện thoại của anh H vào thì thấy có tin nhắn với nội dung “nhặt được điện thoại cho mình chuộc lại với, mình check cam rồi không mình báo Công an đấy”. C liền nhắn lại “Ok” sau đó gọi lại số điện thoại trên thì anh M nghe máy và nói “cho em xin chuộc máy em cho anh 1 triệu”; C nói “cho xin thêm mấy trăm” thì anh M đồng ý và bảo “cho anh 1 triệu rưỡi”. Sau đó C tắt máy, đến 17 giờ 30 phút cùng ngày C sang hàng xóm mượn điện thoại và gọi lại số của anh M hẹn ra ngõ 96 N để chuộc máy. Sau đó anh H và anh M cùng lực lượng Công an phường N đã ra và yêu cầu C về trụ sở để làm việc và thu giữ chiếc điện thoại Iphone 8 Plus.

Tại Công an phường N và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N C khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên. Sau khi làm việc Cơ quan điều tra tạm cho Trần Ngọc C về để tiếp tục củng cố hồ sơ tài liệu. Ngày 31-8-2020 Cơ

quan Cảnh sát điều tra công an thành phố N ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Ngọc C về hành vi “Trộm cắp tài sản” và ra lệnh bắt bị can để tạm giam, tuy nhiên C đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 18-9-2020 Cơ quan điều tra Công an thành phố N ra Quyết định truy nã số 32 đối với Trần Ngọc C về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 23-9-2020 biết mình bị truy nã C đã đến Cơ quan điều tra làm đơn xin đầu thú.

Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố N xác định chiếc điện thoại Iphone 8 Plus thu giữ có trị giá 6.900.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại chiếc điện thoại Iphone 8 plus và giấy tờ cá nhân cho anh Nguyễn Việt H, anh Hùng nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác.

Bản Cáo trạng số 323/CT-VKSTPNĐ ngày 27-10-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Trần Ngọc C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trần Ngọc C xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay dùng nhục hình và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Ngọc C theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Ngọc C có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như đơn trình báo và lời khai của bị hại; biên bản thu giữ vật chứng; sơ đồ hiện trường; lời khai của những người làm chứng; biên bản trích xuất dữ liệu Camera nên đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 16-8-2020, Trần Ngọc C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Việt H 01 chiếc điện thoại Iphone 8 plus có trị giá 6.900.000 đồng tại quán Internet số 5 H, phường N, thành phố N. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây mất trật tự an ninh xã hội trên địa bàn thành phố N, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại để cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại có trị giá 6.900.000 đồng. Như vậy, việc truy tố và đưa ra xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội.

[3] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Nguyễn Việt H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Ngọc C bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc C 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 23 tháng 9 năm 2020.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Ngọc C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Ngọc C được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là anh Nguyễn Việt H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án ND.Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND.Tỉnh Nam Định;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát NDTP.N;
- Công an TP.N;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Đức Nguyên

